

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 01 – 4 - 2025

“V/v Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Khắc Hiếu và ông Lương Công Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỳ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 479/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13/03/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thị M, sinh năm 1985; Địa chỉ thường trú: B N, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Địa chỉ liên hệ: Thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Phan Anh T, sinh năm 1986; Địa chỉ: B N, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Phạm Thị M trình bày: Qua quá trình tìm hiểu, chị M kết hôn với anh Phan Anh T vào năm 2019 tại U, thành phố T. Sau khi cưới về ở chung với nhà chồng tại địa chỉ B N, Phường D, thành phố T, Phú Yên. Hôn nhân tự nguyện, ban đầu chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh T thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến vợ con. Anh T không có nghề nghiệp, cũng không tu chí làm ăn nên vợ chồng mâu thuẫn, bản thân chị cảm thấy cuộc sống vợ chồng ngột ngạt, sống chung với gia đình chồng cũng áp lực, không chịu được. Còn anh T thì có những lúc đi đến 2-3 giờ sáng mới về mà chị hỏi thì anh T không nói. Ngoài ra, chị M có 01 con riêng, anh T cũng có 01 con riêng và ở chung cùng với gia đình cha mẹ chồng nên khó

có thể thông cảm và cân bằng trong cuộc sống, không nhận được sự thấu hiểu từ hai bên. Thời gian gần đây, vợ chồng không có tiếng nói chung, suy nghĩ nhiều nên muốn giải thoát cho nhau. Chị M và con về nhà cha mẹ ruột tại H thì chồng cũng không lo lắng, hỏi han. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về thu nhập thì vợ chồng bán quán cơm, chị M quản lý và lo lắng những khoản này, thu nhập hàng ngày của chung hai vợ chồng thì khoảng 300.000 đồng đến - 400.000 đồng/ngày, dùng để lo cho gia đình, con cái.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Nhã O, sinh năm 2019, hiện cháu O đang ở với chị M. Khi ly hôn, thì chị M yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, tùy vào anh T tự nguyện cấp dưỡng bao nhiêu thì tùy, chị M không yêu cầu. Trường hợp anh T yêu cầu được nuôi con thì chị cũng đồng ý để cho anh T nuôi con chung nhưng chị vẫn chăm sóc con. Khi nào anh T không nuôi được cháu thì chị sẽ nuôi cháu.

*Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Bị đơn anh Phan Anh T trình bày:** Về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn và quá trình chung sống thì như chị M trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng thì anh T chưa làm việc gì sai trái hay đánh đập vợ con. Cơm nước trong gia đình thì anh cũng có khi nấu nướng cho vợ con nhưng cô M thì có những lý do để từ chối nên từ đó anh cũng không nấu nướng. Có lúc, anh T phải ra ngoài giao tiếp, nhậu nhẹt bạn bè. Về công việc thì tôi phụ bán quán cơm với vợ còn việc tiền nong thì vợ quản lý, những việc tiền điện nước, chi tiêu trong gia đình thì vợ quản lý và lo lắng những khoản này. Thu nhập hàng ngày của chung hai vợ chồng khoảng 300.000 đồng đến 400.000 đồng/ngày, còn anh T thì cũng đi làm kiếm thêm thu nhập để tiêu xài cho cá nhân vì vợ không đưa những khoản này. Còn thu nhập chung thì anh không lấy để vợ lo cho gia đình, con cái. Nay, vợ muốn ly hôn thì anh cũng chấp nhận, yêu cầu toà án giải quyết ly hôn

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Nhã O, sinh năm 2019. Khi ly hôn, thì anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cô M phải chu cấp nuôi con. Anh Tuấn sẽ cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho thu nhập của mình trong thời gian 01 tháng kể từ ngày hoà giải. Nếu sau thời gian này anh không cung cấp được các tài liệu chứng minh thì yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

*Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt, yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Bị đơn Phan Anh T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời

điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; Về con chung: Giao con chung Phan Nhã O, sinh ngày 13/3/2019 cho nguyên đơn nuôi dưỡng. Cấp dưỡng không yêu cầu nên đề nghị không xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên đề nghị không xét; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Phạm Thị M yêu cầu giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con với bị đơn Phan Anh T có địa chỉ tại B N, Phường D, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Phạm Thị M vắng mặt, yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn Phan Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không rõ lý do tại phiên tòa mở lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Phạm Thị M và bị đơn Phan Anh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND phường U, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 06/3/2019, đảm bảo về điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên đơn trình bày giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn vì không có tiếng nói chung, nhiều lần xung đột, kình cãi lẫn nhau, bị đơn thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm vợ con, không có nghề nghiệp gì cũng không tu chí làm ăn ngoài ra nguyên đơn và bị đơn đều có con riêng, cùng sống chung với gia đình nhà chồng luôn ngột ngạt, cuộc sống vợ chồng bí bách, không có cách giải quyết để duy trì cuộc sống chung. Nay, nguyên đơn không còn tình cảm với bị đơn, yêu cầu ly hôn. Bị đơn trình bày chưa làm việc gì sai trái, đánh đập vợ con, anh T phụ vợ bán quán cơm nên mọi việc quản lý tiền bạc, chi tiêu trong gia đình là do chị M lo cho gia đình, con cái. Nay nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn cũng đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Xét hai bên đương sự xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, giữa cuộc sống vợ chồng, giữa cha mẹ và các con chung, con riêng cũng như giữa nguyên đơn với gia đình chồng nên cuộc sống không có sự sẻ chia, quan tâm từ các bên, không còn tiếng nói đồng cảm, sẻ chia cuộc sống vợ chồng, không còn tình thương, sự tôn trọng, cảm thông của vợ chồng dành cho nhau, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Xét mâu thuẫn giữa

các đương sự đã trầm trọng, nguyên đơn yêu cầu ly hôn, bị đơn cũng đồng ý ly hôn, xét phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[6] Con chung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Phan Nhã O, sinh ngày 13/3/2019. Các bên đương sự đều yêu cầu được nuôi con. Nguyên đơn trình bày mọi việc chăm sóc con chung và chi tiêu trong gia đình đều do nguyên đơn lo lắng, quán xuyến, bị đơn cũng thừa nhận việc này. Tuy bị đơn yêu cầu được nuôi con chung nhưng xét thấy khi Tòa án yêu cầu cung cấp tài liệu để chứng minh thu nhập thì bị đơn T không cung cấp được. Quá trình làm việc thì bị đơn cũng thừa nhận bán quán cơm phụ vợ, thu nhập chung là 300.000 đồng đến 400.000 đồng mỗi ngày nhưng đều do nguyên đơn giữ để lo lắng, chăm sóc cho các con và chi tiêu trong gia đình. Xét cháu O là cháu gái, còn nhỏ nên cần tình thương và sự chăm sóc chu đáo từ người mẹ nên HĐXX quyết định giao cháu Phan Nhã O cho nguyên đơn Phạm Thị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn Phạm Thị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên chấp nhận.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[9] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 84, 85, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thị M được ly hôn với bị đơn Phan Anh T.

2. *Về con chung*: Giao con chung Phan Nhã O, sinh ngày 13/3/2019 cho mẹ ruột là chị Phạm Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bị đơn Phan Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn Mỹ tự nguyện không yêu cầu. Người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp cần thiết, các bên đương sự có quyền được yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không giải quyết.

4. *Về án phí HNGĐ-ST*: Nguyên đơn Phạm Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0005733 ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. Nguyên đơn Mỹ đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

Huỳnh Khắc Hiếu

Lương Công Hạnh

Đặng Thị Ngọc Uyên

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- UBND P. 4 (số 12/2019);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Uyên